

Số: 3363/2017/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH); Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3029/TTr-STC-TCDN ngày 21/7/2017 về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (kèm theo ý kiến của các ngành Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2935/SKHĐT-TH ngày 10/7/2017; Lao động, Thương binh và Xã hội tại Công văn số 2215/SLĐTBXH-BTXH ngày 12/7/2017; Ngân hàng Nhà nước Thanh Hóa tại Công văn số 737/THH1 ngày 07/7/2017).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

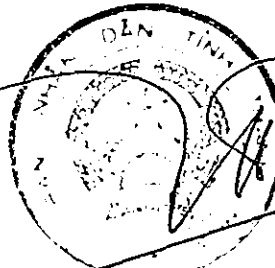
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2017; thay thế Quyết định số 4095/2013/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ Ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *thh*

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
 - NHCSXH Việt Nam (để b/c);
 - TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
 - Huyện ủy; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - UBMTTQVN và các đoàn thể cấp tỉnh;
 - Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh;
 - Các thành viên BDD HĐQT NHCSXH tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Công Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
 - Lưu: VT, KTTT (HYT).
- NHCS 17-12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *lan*



Lê Thị Thìn

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Về việc quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác
qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo,
cận nghèo và các đối tượng chính sách khác
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 886/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn bao gồm:

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các sở ban, ngành có liên quan.
2. Cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội, các phòng ban có liên quan.
3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, NHCSXH và các cá nhân có liên quan.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh);
2. Cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện ký hợp đồng ủy thác với Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn

Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách Nhà nước theo mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

1. Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Hộ cận nghèo theo chuẩn cận nghèo do Chính phủ quy định từng giai đoạn.

3. Một số đối tượng khác được xem xét cho vay chương trình Người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài là: Vợ (chồng), con của các đối tượng bị nhiễm chất độc da cam, dioxin.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Mục đích sử dụng vốn vay: theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay

Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay: Thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi thu được

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập quỹ dự phòng rủi ro: 5%

b) Trích bổ sung vốn gốc để cho vay: 25%

c) Chi phí quản lý của NHCSXH để chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn, chi trả phí uỷ thác cho tổ chức Hội, đoàn thể nhận uỷ thác và các chi phí quản lý khác (*như tiền lương, công tác phí, giấy tờ in, chi phí vận chuyển tiền giải ngân*) là: 60%.

d) Chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan: 10%.

2. Nội dung và mức chi hoạt động của Ban đại diện, cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Chủ tịch UBND tỉnh và các văn bản hiện hành của NHCSXH và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Trường hợp lãi suất cho vay không bù đắp các khoản chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý cho NHCSXH; chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở ngành (phòng ban), đơn vị có liên quan thì NHCSXH phối hợp với Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch) báo cáo UBND cùng cấp bổ sung kinh phí bù đắp từ nguồn ngân sách theo đúng quy định.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác, NHCSXH phối hợp với Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch), Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội), các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp xem xét, quyết định đảm bảo theo quy định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định (*đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh*), do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (*đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện*).

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, NHCSXH cấp tỉnh, huyện báo cáo UBND cấp tỉnh, huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giải ngân trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, định kỳ 6 tháng được trích bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác, việc trích lập, sử dụng nguồn lãi thu được và các nội dung khác liên quan gửi UBND cấp tỉnh, Sở Tài chính;

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác, việc trích lập, sử dụng nguồn lãi thu được và các nội dung khác liên quan gửi UBND cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội tham mưu, đề xuất UBND cùng cấp:

a) Bố trí nguồn vốn từ ngân sách ủy thác cho NHCSXH, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH cùng cấp.

c) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại Khoản 1, Điều 10 Quy chế này.

d) Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm d Khoản 1, Điều 9 Quy chế này.

e) Thẩm tra, quyết toán việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

3. NHCSXH tỉnh (huyện):

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ hàng năm báo cáo UBND cùng cấp về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh chuyển qua NHCSXH trước ngày 20 tháng 01 của năm kế tiếp.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và chỉ đạo Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn, hộ vay vi phạm các cam kết đã ghi trong Sổ vay vốn (hoặc Hợp đồng tín dụng) đã ký với NHCSXH; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan, tham gia Tổ đôn đốc thu nợ khó đòi.

6. Trách nhiệm của người vay

a) Khai hồ sơ vay vốn đầy đủ, trung thực, chính xác;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

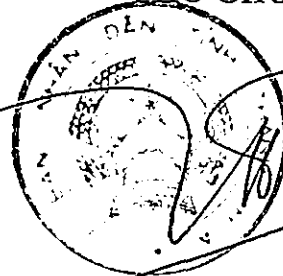
c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

Điều 14. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Việc sửa đổi, bổ sung quy định về Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn do UBND tỉnh Quyết định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn